

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2023/DS-ST**

Ngày: 16-3-2023

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lộc

2. Ông Hà Minh Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp về Hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Th, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1972 (có mặt);

2. *Bị đơn:* - Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 (có mặt);

- Chị Bùi Thị Hạnh U, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1985 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 7B, xã NA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 04/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị có tham gia góp hội do anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Hạnh U làm chủ 02 dây hội như sau: Dây hội mở ngày 10/8/2020 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, gồm có 44 phần chị tham gia góp 01 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 10 hàng tháng, hội có hoa hồng 1.000.000 đồng thì chị trả cho chủ hội 1.000.000 đồng tiền hoa hồng, chị góp được 10 lần hội sống thì anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Hạnh U tuyên bố bế hội (tháng 6/2021) không góp nữa, sau khi anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Hạnh U tuyên bố bế hội có liên hệ thỏa thuận bắt thăm theo thứ tự trả số tiền vốn là 15.000.000 đồng, chị không đồng ý, vì nếu như hội được lĩnh hội sống với số tiền là 20.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng còn lại là 19.500.000 đồng; dây hội mở ngày 15/11/2021 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, gồm có 49 phần chị tham gia góp 01 phần, mỗi tháng mở 02 lần vào ngày 15 và ngày 29 hoặc ngày 30 hàng tháng, hội có hoa hồng 500.000 đồng thì chị trả cho chủ hội 500.000 đồng tiền hoa hồng, chị góp được 10 lần hội sống thì anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Hạnh U tuyên bố bế hội (tháng 6/2021) không góp nữa, sau khi anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Hạnh U tuyên bố bế hội có trả cho chị được 3.500.000 đồng, chị được lĩnh hội sống với số tiền là 10.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng còn lại là 9.500.000 đồng, trừ lại 3.500.000 đồng anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Hạnh U trả trước đây, anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Hạnh U còn phải tiếp tục trả cho chị 6.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Hạnh U phải trả cho chị số tiền góp hội còn nợ là 25.500.000 đồng (19.500.000 đồng + 6.000.000 đồng), trả 03 lần hết số nợ nói trên, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày như sau:*

Anh và chị Bùi Thị Hạnh U có tổ chức làm chủ hội từ năm 2001 đến khi bế hội tháng 6 năm 2021 âm lịch, nhằm mục đích làm phát triển kinh tế gia đình nhưng trong quá trình làm chủ hội các hội viên không góp hội, đến tháng 6/2021 âm lịch thì anh chị tuyên bố bế hội không góp nữa, trong thời gian làm chủ anh chị không có đăng ký ở chính quyền địa phương, có lập danh sách hội gửi cho các hội viên tham gia 01 danh sách phô tô để hội viên theo dõi. chị Lê Thị Th có tham gia góp 02 dây hội như sau:

Dây hội mở ngày 10/8/2020 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, gồm có 44 phần, chị Lê Thị Th tham gia góp 01 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 10 hàng tháng, hội có hoa hồng 1.000.000 đồng, chị Lê Thị Th góp được 10 lần hội sống thì anh anh và chị Bùi Thị Hạnh U tuyên bố bế hội (tháng 6/2021), khi tuyên bố bế hội, anh và chị Bùi Thị Hạnh U có liên hệ thỏa thuận trả lại số tiền

hội vốn góp vào là 11.080.000 đồng, theo hội được lĩnh là 20.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng (theo thỏa thuận góp đủ nhận hoa hồng là 1.000.000 đồng nhưng chỉ gồm được 10 lần nên chịu trả 500.000 đồng), còn lại là 19.500.000 đồng; Đây hội mở ngày 15/11/2021 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, gồm có 49 phần, chị Lê Thị Th tham gia góp 01 phần, mỗi tháng mở 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng, hội có hoa hồng 500.000 đồng, chị Lê Thị Th góp được 10 lần hội sống thì anh và chị Bùi Thị Hạnh U tuyên bố bãi hội (tháng 6/2021) không góp nữa, hội vốn chị Lê Thị Th góp vào là 4.990.000 đồng, nếu như hội được lĩnh hội sống với số tiền là 10.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng còn lại phải trả cho chị Lê Thị Th số tiền là 9.500.000 đồng, anh và chị Bùi Thị Hạnh U trả cho chị Lê Thị Th được 3.500.000 đồng, anh và chị Bùi Thị Hạnh U còn phải trả cho chị Lê Thị Th 6.000.000 đồng. Nay anh đồng ý cùng chị Bùi Thị Hạnh U trả cho chị Lê Thị Th vốn góp vào là 12.570.000 đồng (11.080.000 đồng + 1.490.000 đồng), anh hẹn mỗi tháng trả 500.000 đồng trả cho đến khi hết số nợ nói trên, anh xin bớt tiền lãi, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn chị Bùi Thị Hạnh U:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Bùi Thị Hạnh U biết để chị có ý kiến về việc chị Lê Thị Th yêu cầu chị và anh Nguyễn Văn T trả số tiền hội còn nợ nhưng chị Bùi Thị Hạnh U không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh nhân dân Lê Thị Th và sổ hộ khẩu (Bản sao); 02 Danh sách tham gia góp hội ngày 10 tháng 8 năm 2020 AI và ngày 15 tháng 01 năm 2021 AI (Bản photocopy); 02 Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 24/11/2021 của chị Lê Thị Th (Bản chính); Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Văn T và Bùi Thị Hạnh Nguyên (Bản đối chiếu).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Lê Thị Th yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Hạnh U trả cho chị số tiền hội là 25.500.000 đồng (19.500.000 đồng + 6.000.000 đồng), trả 03 lần hết số nợ nói trên, trả trong tết nguyên đán 5.000.000 đồng, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T xác định, anh và chị Bùi Thị Hạnh U còn nợ tiền hội chị Lê Thị Th tiền hội vốn góp vào là 12.570.000 đồng (11.080.000 đồng + 1.490.000 đồng), theo hội được lĩnh là 25.500.000 đồng (19.500.000 đồng +

6.000.000 đồng), sau đó anh trả cho chị Lê Thị Th 3.500.000 đồng, còn lại 9.500.000 đồng. Nay anh đồng ý cùng chị Bùi Thị Hạnh U trả cho chị Lê Thị Th số tiền hội vốn góp vào là 12.570.000 đồng (11.080.000 đồng + 1.490.000 đồng), anh xin bớt tiền lãi hội sống, anh hẹn trả mỗi tháng trả 1.500.000 đồng, trả cho đến khi hết số nợ nói trên, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Bùi Thị Hạnh U vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 238, 239 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chị Bùi Thị Hạnh U vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của chị Lê Thị Th yêu cầu anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Hạnh U trả cho chị số tiền hội được lĩnh là 25.500.000 đồng là có căn cứ chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị Th khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Hạnh U trả tiền hội còn nợ. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp 7B, xã NA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cho nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Bùi Thị Hạnh U biết và ấn định thời gian để chị có ý kiến về việc chị Lê Thị Th khởi kiện đối với chị và anh Nguyễn Văn T trả tiền hội nhưng chị Bùi Thị Hạnh U không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và

thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Bùi Thị Hạnh U vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Bùi Thị Hạnh U nhưng chị Bùi Thị Hạnh U vẫn cố tình vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị Lê Thị Th và bị đơn anh Nguyễn Văn T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Bùi Thị Hạnh U theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng góp hụi giữa chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn T, chị Bùi Thị Hạnh U xác lập các ngày 15/11/2021 âm lịch và ngày 10/8/2020 âm lịch bằng lời nói, hụi có lãi và có hoa hồng, không thỏa thuận bằng văn bản, không công chứng, chứng thực danh sách hụi, không ghi đầy đủ họ và tên, số giấy chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân; ngày tháng năm sinh, nơi cư trú của chủ họ, thời gian, thể thức góp hụi, lĩnh hụi, mức hưởng hoa hồng của chủ họ trong họ hưởng hoa hồng, lãi suất trong họ có lãi; quyền và nghĩa vụ của chủ họ là thực hiện chưa đúng hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biếu, phượng, nay xảy ra tranh chấp, yêu cầu giải quyết, được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biếu, phượng.

Xét khởi kiện của chị Lê Thị Th yêu cầu anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Hạnh U trả cho chị số tiền hụi hụi được lĩnh là 25.500.000 đồng, trả 03 lần hết số nợ nói trên; ý kiến trình bày của anh Nguyễn Văn T đồng ý cùng chị Bùi Thị Hạnh U trả cho chị Lê Thị Th vốn góp vào là 12.570.000 đồng (11.080.000 đồng + 1.490.000 đồng), mỗi tháng trả 500.000 đồng; chị Bùi Thị Hạnh U không ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Lê Thị Th. Hội đồng xét xử thấy rằng, ý kiến trình bày và yêu cầu của chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn T phù hợp với nhau cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, từ khi thụ lý vụ án giải quyết cho đến nay chị Bùi Thị Hạnh U không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Th là có thật và thuộc trường hợp chị Bùi Thị Hạnh U thừa nhận hoặc không phản đối yêu cầu của chị Lê Thị Th đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn T thống nhất về số tiền hụi vốn góp vào là

12.570.000 đồng, hội được lĩnh là 25.500.000 đồng; anh Nguyễn Văn T xin trả số tiền vốn góp vào là 12.570.000 đồng, nhưng chị Lê Thị Th không đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng, chủ hội là người tổ chức, quản lý dây hội, thu và giao các phần hội đó cho thành viên được lĩnh hội trong mỗi kỳ mở hội cho tới khi kết thúc dây hội, không phải là người nộp phần lãi nên việc anh Nguyễn Văn T xin bớt phần lãi là không có cơ sở chấp nhận. Đồng thời, chị Lê Thị Th không yêu cầu trả lãi chậm trả nên không xem xét.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Lê Thị Th, buộc anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Hạnh U phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Th số tiền hội được lĩnh còn nợ là 25.500.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, khoản 3, khoản 4 Điều 18 và khoản 1 Điều 23 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hội, biên, phường.

[4] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8, điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 18, khoản 1 Điều 23 và khoản 1 Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hội, biên, phường;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Hạnh U phải trả cho chị Lê Thị Th số tiền hụi còn nợ là 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Hạnh U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.275.000 đồng (25.500.000 đồng x 5%).

Chị Lê Thị Th không phải chi án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Lê Thị Th tiền tạm ứng án phí đã nộp là 662.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003566 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/3/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Kiều).

Trần Văn Thảo